

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 29/2021/HSST

Ngày: 25/3/2021.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

***Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Đức Tuấn và bà Nguyễn Thị Hằng.

**- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký tòa án.

**- *Đại diện VKSND Huyện Khoái Châu:*** Bà Lê Thị Chung - KSV.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2021/TLST-HS, ngày 26/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo: **Vũ Đình L**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn A, xã C, Huyện Đ, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Đình B và bà Đình Thị P; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con lớn; Bị cáo có vợ là Hà Thị D và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án:

+ Tại bản án số: 34/2013/HSST ngày 14/11/2013, Tòa án nhân dân Huyện Đ xử phạt Vũ Đình L 02 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/7/2015).

+ Tại bản án số: 53/2016/HSST ngày 12/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt Vũ Đình L 02 năm 06 tháng tù về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” và 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là Tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 (ra trại ngày 23/5/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện K (Có mặt tại phiên tòa).

***\*/ Người bị hại:*** Chị Đỗ Thị H (tức Oanh), sinh năm 1986; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

***\*/ Những người làm chứng:***

1/ Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1985; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Anh Vũ Đình N, sinh năm 1992; Trú tại: thôn A, xã C, Huyện Đ, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3/ Ông Đỗ Văn Z, sinh năm 1960; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4/ Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1959; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

5/ Anh Đỗ Nho F, sinh năm 1980; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

6/ Bà Vũ Thị E, sinh năm 1967; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

7/ Chị Ngô Thị T, sinh năm 1968; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

8/ Anh Đỗ Minh S, sinh năm 1984; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

9/ Chị Hà Thị D, sinh năm 1988; Trú tại: thôn A, xã C, Huyện Đ, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vũ Đình L, sinh năm 1989 ở thôn A, xã C, Huyện Đ, tỉnh Hưng Yên là đối tượng chấp hành án phạt tù mới ra trại về địa phương từ ngày 23/5/2019. Do trước khi đi chấp hành án phạt tù L có mâu thuẫn với Đỗ Văn B (tên gọi khác: B vô), sinh năm 1984 ở thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/6/2020, L điều khiển xe mô tô biển số 89D1-012.24 đến nhà B để tìm gặp B. L đi đến khu vực thôn X, xã M, Huyện K, qua hỏi thăm L biết tin B đang phải chấp hành án phạt tù nên đã nảy sinh ý định tìm gặp vợ B là chị Đỗ Thị H, sinh năm 1986, ở tại thôn X, xã M, Huyện K để trả thù B. Khi đến nhà chị H, L gặp ông Đỗ Văn Z, sinh năm 1960 (bố chồng chị H), bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1959 (mẹ chồng chị H), chị Đỗ Thị T, sinh năm 1985 (em chồng chị H) và chị H. L tự nhận là bạn cùng chấp hành án trong trại giam với B và nói với chị H: “Nếu muốn gặp B thì đi theo tôi vì B hiện đang bị bệnh phải đến Bệnh viện điều trị”. Tin lời L, chị H đồng ý ngồi lên xe mô tô biển số 89D1- 012.24 để L chở đi. L điều khiển xe mô tô chở chị H đi đến khu vực đê sông Hồng thuộc thôn O, xã Z, Huyện K, thấy 01 nhà (điểm canh đê) không có người ở. Tại đây, L bảo chị H đi lên trần điểm đê gặp anh B. Lúc này, chị H nghi ngờ L có ý đồ xấu nên đã cầm điện thoại định gọi điện bằng zalo video cho chị T thì bị L tát nhiều phát vào mặt chị H đồng thời dùng tay giật ngay chiếc điện thoại ở tay chị H, rồi lại tiếp tục tát liên tiếp vào mặt chị H (ở đầu bên kia chị T thấy màn hình tối đen, nghe thấy tiếng chị H kêu khóc và van xin ai đó). L nói: “Mày phải đi lên trần cùng tao”, chị H không đi thì bị L dùng tay túm vào cổ tay chị H kéo lên trần của điểm canh đê và nói: “Đáng ra, hôm nay thằng B phải chịu nhưng mày phải chịu thay” rồi lại dùng tay tát nhiều nhất vào mặt chị H. Sau đó, L đề chiếc điện thoại xuống nền trần điểm, cách xa vị trí chỗ chị H để chị H không lấy được điện thoại rồi dùng tay đẩy chị H xuống nền của trần điểm. L tụt quần lót, quần lửng của chị H ra nhằm ép chị H quan hệ tình dục với L. Chị H van xin, không muốn cho L quan hệ tình dục thì L tiếp tục dùng tay tát và đẩy chị H nằm ngửa xuống nền, rồi L tự cởi quần áo của

mình ra, đưa dương vật vào bên trong âm đạo của chị H khoảng 05 phút thì xuất tinh vào âm đạo của chị H. Sau khi đã xuất tinh vào bên trong âm đạo của chị H thì L rút dương vật ra, mặc lại quần áo của mình và cầm chiếc điện thoại L đã giật trên tay của chị H lúc trước và điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau đó, Chị H được người thân đưa về nhà trong tình trạng hoảng loạn, đầu óc rối bù, quần áo xộc xệch và trên người có nhiều vết thương bầm tím.

Tiếp đó, đến ngày 04/6/2020, L dùng chính số thuê bao 0399.786.082 được lắp trên điện thoại mà L đã chiếm đoạt được của chị H để gọi vào số thuê bao 0983.943.513 của chị T (Em chồng chị H) yêu cầu chị T cho L nói chuyện trực tiếp với chị H và nhiều lần nhắn tin cho chị H với nội dung yêu cầu chị H phải đưa cho L số tiền 10.000.000 đồng thì L sẽ trả lại điện thoại và không nói cho ai biết việc L đã hiếp chị H vào tối ngày 03/6/2020. Chị H vì sợ mất danh dự nên đã đồng ý với yêu cầu của L. Tuy nhiên, chị H chỉ chuẩn bị được số tiền 8.000.000đ nên đã nói lại với L và L đồng ý. (Tất cả các cuộc gọi thoại, nội dung các tin nhắn giữa L và chị H đều được chị T ghi âm, lưu lại, sau đó đã sao giao nộp cho cơ quan điều tra). Đến tối ngày 04/6/2020, L hẹn gặp chị H ở khu vực cánh đồng chuối xã Y, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên để lấy số tiền 8.000.000đ từ chị H, khi đó chị H đi cùng với chị T nhưng L tưởng Công an nên bỏ chạy và đã làm rơi chiếc điện thoại của chị H. Những ngày sau đó L tiếp tục dùng sim có số thuê bao 0782299060 gắn vào điện thoại mà L mượn của bạn (không nhớ tên cụ thể) để nhắn tin, gọi điện liên lạc tới số thuê bao của chị T để gặp chị H, đe dọa và tiếp tục yêu cầu chị H phải đưa cho L số tiền trên. Tuy nhiên, chị H chưa đưa cho L số tiền trên thì ngày 11/6/2020, L đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện K bắt giữ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện đã dẫn giải L đến khu vực xảy ra sự việc đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản tại cánh đồng chuối thuộc xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên. Cơ quan cảnh sát điều tra cũng đã tiến hành lấy lời khai của người bị hại, lời khai của những người liên quan và người làm chứng, đồng thời thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan.

**Quá trình điều tra đã thu giữ những vật chứng gồm:**

- Trích xuất và quản lý dữ liệu hình ảnh camera của gia đình bà Vũ Thị Nghiệp, sinh năm 1967 ở thôn X, xã M ghi lại hình ảnh L đến nhà chị H vào thời điểm khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/6/2020.

- Quản lý 01 USB do chị Đỗ Thị T giao nộp (ghi âm lại đoạn hội thoại mà L đã gọi đến cho chị T để gặp chị H yêu cầu đưa tiền).

- Quản lý 02 mảnh xước cài tóc màu đen, một mảnh kích thước (7 x 5) cm, một mảnh kích thước (5,5 x 5)cm thu được tại hiện trường điểm canh đê thôn O, xã Z, Huyện K.

- Quản lý 01 đôi dép nhựa màu xanh, đen gồm 02 chiếc dép trái và phải, kích thước mỗi chiếc dép (26 x 10) cm do L tự nguyện giao nộp; Thu giữ 01 chiếc quần sooc, vải kaki màu xanh thẫm có chiều dài ống quần 53cm, mỗi ống quần rộng 22cm, cạp quần rộng khoảng 38cm thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Vũ Đình L tại thôn A, xã C, Huyện Đ, tỉnh Hưng Yên.

- Quản lý 01 bộ quần áo màu hồng, 01 chiếc quần lót màu đỏ do chị H giao nộp (là quần áo mà chị H mặc khi bị L thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn).

- Quản lý 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY GRAND Prime màu trắng, đã qua sử dụng thu tại cánh đồng chuối xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên. L khai nhận: Vì sợ bị phát hiện nên L bỏ chạy và làm rơi chiếc điện thoại của chị H tại đó.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện đã yêu cầu định giá tài sản là chiếc điện thoại Sam Sung của chị H, đồng thời ra các Quyết định trưng cầu giám định để xác định sự thật khách quan làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số: 3501 ngày 17/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 1. Tình trạng bộ phận sinh dục của chị Đỗ Thị H; màng trinh rách cũ vị trí 6 giờ, không có tổn thương mới, các bộ phận khác bình thường; 2. Tại thời điểm giám định chị Đỗ Thị H không có thai; 3. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành vết thương tích của chị Đỗ Thị H: Chưa xác định được các tổn thương sây sát da, sưng nề, tụ máu thoát triển có để lại sẹo hay biến đổi rối loạn sắc tố da hay không. Đề nghị cơ quan điều tra công an Huyện K đưa chị H đi giám định pháp y thương tích sau khi đã điều trị ổn định. Tuy nhiên, chị H từ chối giám định thương tích vì cho rằng do thương tích không đáng kể.

Tại bản kết luận số: 3483 ngày 07/7/2020 của Viện khoa học hình sự kết luận: Không phát hiện thấy tinh trùng trên bộ quần áo màu hồng gửi giám định; 2. Trên chiếc quần lót màu đỏ và trong mẫu dịch âm đạo thu của Đỗ Thị H đều có tinh trùng của một người nam giới; 3. Lưu kiểu gen xác định được tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Tại bản kết luận giám định số: 4924 ngày 07/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 1. Kiểu gen thu được từ mẫu tóc ghi thu của Vũ Đình L trùng hoàn toàn với kiểu gen của người nam giới đã để lại xác tinh trùng trong mẫu dịch âm đạo và trên chiếc quần lót ghi thu của chị Đỗ Thị H.

Tại bản kết luận giám định số: 4287 ngày 13/7/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video mẫu cần giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 4288 ngày 14/7/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp âm thanh ghi mẫu cần giám định và tệp video ghi mẫu so sánh; Mẫu so sánh có chất lượng kém không đủ điều kiện đưa ra kết luận.

Tại bản kết luận giám định số: 5435 ngày 17/9/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Tiếng nói của người nam giới trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Vũ Đình L trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Ngoài ra, ngày 10/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện cũng đã lập biên bản kiểm tra cuộc gọi và tin nhắn từ điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 prime màu đen gắn số thuê bao 0983.943.513 của T đồng thời trích xuất toàn bộ nội dung tin nhắn đi và đến của số thuê bao 0398.786.082 và số thuê bao

0983.943.513 từ ngày 03/6/2020 đến hết ngày 04/6/2020; Tin nhắn đi và đến của số thuê bao 0782.290.960 và số thuê bao 0983.943.513 từ ngày 06/6/2020 đến ngày 08/6/2020. (được in trên 20 trang giấy A4 kèm theo), có nội dung tin nhắn đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm mục đích bắt chị H phải đưa tiền cho L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 59 ngày 06/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Huyện K kết luận: Tổng giá trị thị trường của tài sản đã qua sử dụng tại thời điểm định giá là 733.000đồng.

Ngày 12/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Samsung GALAXY Grand Prime G530, màu trắng đã qua sử dụng cho chị H là chủ sở hữu. Còn đối với 02 mảnh xước cài tóc màu đen, 02 chiếc dép, 01 chiếc quần sooc, vải kaki màu xanh thẫm có chiều dài ống quần khoảng 53cm, mỗi ống quần rộng 22cm, cặp quần rộng khoảng 38cm, 01 bộ quần áo màu hồng, 01 chiếc quần lót màu đỏ là những vật chứng liên quan đến vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 89D1 - 012.24 là xe mà L sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi vi phạm xác định là xe thuộc sở hữu của anh Vũ Đình N, anh N cho L mượn xe nhưng không biết L sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội, nên không thu giữ và xử lý. Đối với 04 chiếc USB gồm: 01 USB ghi lại hình ảnh L đến nhà chị H ngày 03/6/2020; 01 USB ghi lại hình ảnh và âm thanh buổi hỏi cung ngày 11/6/2020; 01 USB do chị Đỗ Thị T giao nộp là file ghi âm giọng nói của L hoàn trả sau giám định; 01 USB ghi âm trực tiếp giọng nói của L gọi đến máy của chị T ngày 12/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện đã lưu tại hồ sơ vụ án làm căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho chị khoản tiền tổn thất về mặt danh dự, nhân phẩm với số tiền là 100.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT – VKSKC, ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện K truy tố Vũ Đình L về các tội: “Cướp tài sản” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168; “Hiếp dâm” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 141 và “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015.

***Tại phiên toà hôm nay:***

**[1]** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Đình L phạm các tội: “Cướp tài sản”, “Hiếp dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản”; Đề nghị áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 168, Điểm i khoản 2 Điều 141 và Điểm e khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của BLHS năm 2015; Điều 357, Điều 468 và Điều 592 của BLDS năm 2015; Điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Hiếp dâm”; Từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp chung hình phạt của cả ba tội buộc bị cáo phải thi hành từ 17 năm 06 tháng đến 19 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 11/6/2020. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại về tổn thất danh dự,

nhân phẩm bị xâm phạm tương đương 10 tháng lương cơ bản và tiền mất thu nhập của người bị hại trong thời gian từ ngày 04/6/2020 đến hết ngày 21/6/2020 (là 18 ngày). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K còn đề xuất đường lối xử lý vật chứng.

**[2].** Bị cáo L thừa nhận có lừa chị H lên điểm canh đê thuộc thôn O, xã Z vào tối ngày 03/6/2020 là địa điểm hoang vắng, xa khu dân cư sinh sống, ít người đi lại mục đích là để đòi số tiền mà B (Chồng chị H) mua điện thoại chịu của bị cáo vào năm 2012. Tại đây, bị cáo không dùng vũ lực với chị H, không cướp điện thoại của chị H mà chị H tự nguyện đưa điện thoại cho bị cáo để liên lạc với bị cáo hẹn ngày trả số tiền anh B còn nợ vì bị cáo không có điện thoại. Bị cáo cũng khẳng định bị cáo không hiếp dâm chị H, chính chị H đã ôm bị cáo đồng thời dùng tay của chị H (không nhớ tay nào) để kích dục bị cáo xuất tinh bên ngoài âm đạo của chị H. L không hiểu tại sao L xuất tinh bên ngoài âm đạo của chị H mà tinh trùng của L lại có trong âm đạo của H, còn chị H bị các vết bầm tím trên cơ thể là do trên đường bị cáo đeo chị H đến điểm canh đê vào đêm tối, không quen đường nên đã bị ngã nhưng không nhớ ngã chỗ nào.

Giải thích về lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, bị cáo cho rằng bị cáo bị cán bộ ghi lời khai có tên là Đỗ Trung U ép cung.

Được nói lời sau cùng bị cáo thừa nhận tội danh “Cưỡng đoạt tài sản”, không thừa nhận đối với hành vi “Cướp tài sản” và “Hiếp dâm”, nhưng bị cáo cũng chưa nhận được tiền của chị H nên không đồng ý bồi thường cho chị H. Tuy nhiên, bị cáo cũng nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và sai với chị H nên đã công khai xin lỗi chị H, mong chị H sống tốt và tha thứ cho bị cáo.

**[3].** Người bị hại chị Nguyễn Thị H trình bày quan điểm: Bị cáo L khai không đúng sự thật. Sự thật là tối ngày 03/6/2020, chính bị cáo đã lừa chị H lên điểm canh đê thuộc thôn O, xã Z. Tại đây, bị cáo đã liên tục dùng tay tát vào mặt chị, cướp điện thoại khỏi tay chị, đẩy chị xuống sàn điểm và ép chị quan hệ tình dục trái với ý muốn mặc cho chị khóc lóc van xin. Hôm sau, bị cáo còn dùng chính điện thoại của chị để liên tục nhắn tin, điện thoại tới số của chị T (em chồng chị) yêu cầu chị đưa tiền cho L để L trả điện thoại và giữ im lặng không nói cho ai biết việc L hiếp chị.

Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra chị H yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho chị thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 100.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu bổ sung, đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho chị tiền mất thu nhập của chị trong thời gian từ ngày 04/6/2020 đến hết ngày 21/6/2020 (18 ngày). Chị làm nghề tự do, tổng thu nhập bình quân hàng tháng từ 12 triệu đến 15 triệu đồng.

Lý giải về 18 ngày mất thu nhập chị H trình bày: Từ ngày 04/6/2020 đến hết ngày 11/6/2020, chị H không dám ra khỏi nhà vì chưa bắt được L nên sợ L trả thù. Từ ngày 12/6/2020 đến hết ngày 21/6/2020, mặc dù đã bắt được L nhưng chị H vẫn sợ L hãm hiếp đã bị đồn ra ngoài khiến chị hoang mang, lo lắng, xấu hổ

không dám đi làm. Sau đó, chị được người thân động viên nên chị bắt đầu đi làm lại vào ngày 22/6/2020.

Về trách nhiệm hình sự: Mặc dù chị H đã chấp nhận lời xin lỗi của bị cáo tại phiên tòa, nhưng đề nghị HĐXX xử bị cáo nghiêm theo quy định của pháp luật.

**[4].** Người làm chứng có mặt: Chị Đỗ Thị T trình bày lời khai khẳng định chị T có mặt trong suốt quá trình từ lúc bị cáo đến nhà, gọi điện, nhắn tin và đi cùng chị H đến cánh đồng chuối thuộc xã C (Địa điểm mà L hẹn gặp chị H để nhận tiền), trừ mỗi lúc chị H và L ở trên điểm canh đê thuộc thôn O, xã Z là chị không có mặt là do L không cho chị đi cùng nên lời khai của chị tại cơ quan điều tra là hoàn toàn đúng. Chị T giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra.

**[5].** Những người làm chứng còn lại là anh Vũ Đình N, ông Đỗ Văn Z, bà Đỗ Thị Q, anh Đỗ Nho F, bà Vũ Thị E, bà Ngô Thị T, anh Đỗ Minh S, chị Hà Thị D đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:** Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

#### **[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:**

Tại Cơ quan điều tra Công an Huyện, Vũ Đình L đã thừa nhận tội ngày 03/6/2020, L đã lừa chị H ra điểm canh đê thuộc thôn O, xã Z, Huyện K là địa điểm hoang vắng, xa khu dân cư sinh sống, ít người đi lại nhằm mục đích trả thù B (chồng chị H). Tại đây, L đã bảo chị H đi cầu thang bộ lên trần của điểm canh đê, nhưng thấy chị H chần chừ và trên tay chị H đang cầm điện thoại di động bật sáng màn hình thì L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY GRAND Prime màu trắng mà chị H đang cầm trên tay, nên đã dùng tay phải tát vào má trái của chị H đồng thời giằng lấy chiếc điện thoại di động. Tiếp theo, L dùng tay tát liên tiếp vào vùng mặt của chị H nhằm ép buộc chị H phải quan hệ tình dục với L trái với ý muốn. Đến ngày 04/6/2020, L tiếp tục sử dụng chính số thuê bao và điện thoại của chị H liên tục nhắn tin, gọi điện tới số thuê bao của chị T yêu cầu được nói chuyện với chị H. Khi được nói chuyện trực tiếp với chị H, L đã có lời nói đe dọa, bắt chị H phải đưa cho L số tiền lúc đầu là

10.000.000đ, sau đó L hạ xuống còn 8.000.000đ để chị H được lấy lại chiếc điện thoại mà chính L đã cướp được của chị H và để L im lặng không nói cho ai biết việc L quan hệ tình dục với chị H vào tối ngày 03/6/2020. Tuy nhiên, sau khi bị khởi tố thêm các tội danh: “Hiếp dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản”, bị cáo L không khai, không nhận các quyết định tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai trên của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường; Các bản kết luận giám định của viện khoa học hình sự Bộ công an; Biên bản mở, đóng niêm phong và nhận diện người trong video; Đơn trình báo và lời khai của người bị hại; lời khai của những người làm chứng là chị Đỗ Thị T, anh Vũ Đình N, ông Đỗ Văn Z, bà Đỗ Thị Q, anh Đỗ Nho F, bà Vũ Thị E, bà Ngô Thị T, anh Đỗ Minh S, chị Hà Thị D, phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác.

Xét trình bày của bị cáo về việc bị cán bộ ghi lời khai là anh Đỗ Trung Hiếu ép cung bị cáo, thì thấy rằng: Lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra được nhiều cán bộ ghi biên bản, nhiều điều tra viên khác nhau lấy vào nhiều thời điểm khác nhau, bản thân bị cáo cũng đã tự viết bản tự khai trình bày rõ nội dung sự việc phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Do vậy, việc bị cáo khai bị cán bộ ghi lời khai Đỗ Trung U ép cung là không có cơ sở. Cũng từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Do có mâu thuẫn với Đỗ Văn B (Chồng chị H) nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/6/2020, Vũ Đình L đã đến nhà chị Đỗ Thị H ở thôn X, xã M, Huyện K nhằm mục đích trả thù. L đã lừa chị H đến khu vực Điểm canh đê thuộc thôn O, xã Z, Huyện K, là địa điểm hoang vắng, xa khu dân cư sinh sống, ít người đi lại L dùng tay tát chị H nhiều lần khiến cho chị H lâm vào tình trạng không thể chống cự, tự vệ được nhằm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY GRAND Prime màu trắng của chị H có trị giá 733.000đồng và để giao cầu với chị H trái với ý muốn của chị H. Sau khi giao cầu trái với ý muốn của chị H xong, L cầm theo chiếc điện thoại đã chiếm đoạt được của chị H rồi bỏ đi. Đến tối ngày 04/6/2020, L tiếp tục sử dụng điện thoại của chị H để gọi điện thoại, nhắn tin cho chị H với nội dung đe dọa, uy hiếp tinh thần của chị H như yêu cầu chị H phải đưa cho L số tiền 8.000.000đ để chị H được nhận lại chiếc điện thoại mà chính L đã chiếm đoạt của chị H tối hôm trước, nếu không L sẽ công khai việc L quan hệ tình dục với chị H. Tuy nhiên, L chưa chiếm đoạt được số tiền 8.000.000đ thì đã bị phát hiện bắt giữ.

Ngoài các hành vi nêu trên, quá trình điều tra, đã xác định tại bản án số 53/2016/HSST ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã xử phạt Vũ Đình L 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Do vậy, lần phạm tội này bị cáo đã thực hiện 03 hành vi, mỗi hành vi nêu trên đều cấu thành tội phạm độc lập đã thỏa mãn 03 tội danh là “Cướp tài sản” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168; “Hiếp dâm” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 141 và “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm

2015. Vậy nên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện K đã truy tố bị cáo Vũ Đình L theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số số: 18/CT – VKSKC, ngày 26 tháng 01 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

**[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:** Các hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến các khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu tài sản và quyền nhân thân (Tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm) của chị H. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và quản lý tài sản. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

**[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:** Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã từng bị đưa ra xét xử về tội “Cướp giật tài sản” năm 2013, “Cưỡng đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản” năm 2016. Tuy nhiên, hai bản án này đã được tính là tình tiết định khung hình phạt nên không tính là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặc dù, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo chỉ thừa nhận đối với hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cũng đã nói lời xin lỗi chị H và đã được chị H chấp nhận. Do vậy, khi lượng hình cũng cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục nên cần có một bản án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, có ý thức tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời cũng có tác dụng dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung. Vì bị cáo phạm 03 tội, nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải thi hành theo quy định tại Điều 55 của BLHS năm 2015.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K về mức hình phạt và điều luật áp dụng là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5] Về hình phạt bổ sung:** Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 6 Điều 168 và khoản 5 Điều 170 của BLHS năm 2015 là phạt tiền đối với bị cáo.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** Xét đề nghị của bị hại về việc yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 100.000.000đ và 18 ngày mất thu nhập thì thấy rằng: Căn cứ khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận, nhưng giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được với nhau. Nên xét việc bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường về tổn thất tinh thần là chính đáng, nhưng mức

yêu cầu của bị hại đưa ra vượt quá quy định của pháp luật. Do vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của người bị hại về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 10 tháng lương cơ bản. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ, mức lương tối thiểu áp dụng từ 01/07/2019 đến nay là 1.490.000 đồng tương ứng với số tiền là: 10 tháng x 1.490.000đ = 14.900.000đ.

Ngoài ra, bị hại còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền mất thu nhập từ ngày 04/6/2020 đến hết ngày 21/6/2020 (18 ngày) là chính đáng nên được chấp nhận. Theo bị hại trình bày thì bị hại làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, do đó cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiền mất thu nhập cho bị hại theo mức Thu nhập bình quân tại địa phương xã M là (50.000.000đ/1 năm: 12 tháng: 30 ngày) = 139.000đ/ 1 ngày x 18 ngày = 2.502.000đ.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 17.402.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015.

**[7] Về vật chứng:**

Đối với: 02 mảnh xước cài tóc màu đen, một mảnh kích thước (7 x 5) cm, một mảnh kích thước (5,5 x 5) cm thu được tại hiện trường điểm canh đê thôn O, xã Z, Huyện K; 01 đôi dép nhựa màu xanh, đen gồm 02 chiếc dép trái và phải, kích thước mỗi chiếc dép (26 x 10)cm do L tự nguyện giao nộp; 01 chiếc quần sooc, vải kaki màu xanh thẫm có chiều dài ống quần 53cm, mỗi ống quần rộng 22cm, cạp quần rộng khoảng 38cm thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Vũ Đình L tại thôn A, xã C, Huyện Đ, tỉnh Hưng Yên; 01 bộ quần áo màu hồng, 01 chiếc quần lót màu đỏ do chị H giao nộp (là quần áo mà chị H mặc khi bị L thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn) là vật chứng của vụ án nhưng không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của BLHS. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định cHển vật chứng số 12/QĐ-VKS - KC ngày 16/01/2021 của VKSND Huyện K).

Đối với 04 chiếc USB gồm: 01 USB ghi lại hình ảnh L đến nhà chị H ngày 03/6/2020; 01 USB ghi lại hình ảnh và âm thanh buổi hỏi cung ngày 11/6/2020; 01 USB do chị Đỗ Thị T giao nộp là file ghi âm giọng nói của L hoàn trả sau giám định; 01 USB ghi âm trực tiếp giọng nói của L gọi đến máy của chị T ngày 12/8/2020 là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu tại hồ sơ vụ án.

**[8] Về án phí:** Cần buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí trách nhiệm dân sự có giá ngạch là 17.402.000đ x 5% = 870.100đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

**[9] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH;**

**Căn cứ:** Điểm i khoản 2 Điều 141; Điểm h khoản 2 Điều 168 và Điểm e khoản 2 Điều 170; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của BLHS năm 2015.

**Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Đình L phạm các tội: “Hiếp dâm” , “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

**Xử phạt:** Bị cáo Vũ Đình L 07 (Bảy) năm (06 Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Hiếp dâm”; 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp chung hình phạt của cả ba tội buộc bị cáo phải thi hành là 18 (Mười tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để tạm giam 11/6/2020.

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 592 của BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đỗ Thị H, sinh năm 1986; Trú tại: thôn X, xã M, Huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm phạm bằng 10 tháng lương cơ bản tương ứng với số tiền là: 10 tháng x 1.490.000đ = 14.900.000đ và 18 ngày mất thu nhập tính theo mức thu nhập bình quân tại địa phương xã M tương ứng với số tiền là 139.000đ/1 ngày x 18 ngày = 2.502.000đ. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường trả cho chị H là 17.402.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015.

**Về vật chứng trong vụ án:** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Tịch thu cho tiêu hủy 02 mảnh xước cài tóc màu đen, một mảnh kích thước (7 x 5)cm, một mảnh kích thước (5,5 x 5)cm thu được tại hiện trường điểm canh đề thôn O, xã Z, Huyện K; 01 đôi dép nhựa màu xanh, đen gồm 02 chiếc dép trái và phải, kích thước mỗi chiếc dép (26 x 10)cm do L tự nguyện giao nộp; 01 chiếc quần sooc, vải kaki màu xanh thẫm có chiều dài ống quần 53cm, mỗi ống quần rộng 22cm, cạp quần rộng khoảng 38cm; 01 bộ quần áo màu hồng, 01 chiếc quần lót màu đỏ.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKS - KC ngày 16/01/2021 của VKSND Huyện K).

Lưu tại hồ sơ vụ án 04 chiếc USB gồm: 01 USB ghi lại hình ảnh L đến nhà chị H ngày 03/6/2020; 01 USB ghi lại hình ảnh và âm thanh buổi hỏi cung ngày 11/6/2020; 01 USB do chị Đỗ Thị T giao nộp là file ghi âm giọng nói của L hoàn trả sau giám định; 01 USB ghi âm trực tiếp giọng nói của L gọi đến máy của chị T ngày 12/8/2020.

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Đình L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 870.100đ (Tám trăm bảy mươi nghìn một trăm đồng) án phí trách nhiệm dân sự có giá ngạch.

**Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS.

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/3/2021.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Huyện K;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Công an Huyện K;
- UBND xã A, Huyện Đ, tỉnh Hưng Yên;
- T.H.A dân sự Huyện K;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Thu Hương**